

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc điều chỉnh một số nội dung trong
Bản xác nhận số 29/XN-UBND ngày 22/3/2019 của UBND tỉnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; Thông tư số 51/2017/TT-BTNMT ngày 30/11/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 4430/QĐ-BNN-XD ngày 30/10/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình Tiêu úng vùng III, huyện Nông Cống;

Căn cứ Bản xác nhận số 29/XN-UBND ngày 22/3/2019 của UBND tỉnh về khu vực, công suất, khối lượng, phương pháp, thiết bị và kế hoạch khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án xây dựng công trình;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa tại Công văn số 7979/STNMT-TNKS ngày 19/11/2020 (kèm theo Biên bản làm việc ngày 21/10/2020 giữa Ban Quản lý Đầu tư và xây dựng thủy lợi 3 và Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn Thanh Hóa về việc bàn giao một phần diện tích bãi vật liệu số 2 của dự án Tiêu úng vùng 3, huyện Nông Cống).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh một số nội dung trong Bản xác nhận số 29/XN-UBND ngày 22/3/2019 của UBND tỉnh, cụ thể như sau:

1. Tại Mục 1 Bản xác nhận số 29/XN-UBND ngày 22/3/2019, nội dung:

Khu vực khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường (đất san lấp) của Tổng Công ty Xây dựng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thanh Hóa - CTCP có diện tích 4,8 ha tại xã Công Liêm, huyện Nông Cống được giới

hạn bởi các điểm mốc khép góc MB8, MB9, MB10, MB11, MB12, MB13, MB14, MB15 và MB15A có tọa độ tại Phụ lục kèm theo.

Nay điều chỉnh lại như sau:

Khu vực khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường (đất san lấp) của Tổng Công ty Xây dựng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thanh Hóa - CTCP có diện tích 3,3 ha tại xã Công Liêm, huyện Nông Cống được giới hạn bởi các điểm mốc khép góc MB8, MB9, MB10, MB11, MB12, MB13, MB14, MB14.1, MB14.2, MB14.3, MB14.4, MB14.5, MB14.6, MB14.7, MB14.8, MB14.9, MB14.10, MB14.11, MB14.12, MB14.13, MB14.14, MB14.15 và MB14.16 có tọa độ tại Phụ lục kèm theo.

2. Tại Phụ lục kèm theo Bản xác nhận số 29/XN-UBND ngày 22/3/2019, nội dung:

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 <i>Kinh tuyến trục 105⁰, múi chiếu 3⁰</i>	
	X (m)	Y (m)
MB8	2163 329	568 157
MB9	2163 327	568 210
MB10	2163 301	568 210
MB11	2163 301	568 266
MB12	2163 391	568 271
MB13	2163 393	568 148
MB14	2163 550	568 143
MB14A	2163 542	568 036
MB15	2163 730	568 045
MB15A	2163 752	568 838
Diện tích khu vực khai thác: 4,8 ha		

Nay điều chỉnh lại như sau:

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 <i>Kinh tuyến trục 105⁰, múi chiếu 3⁰</i>	
	X (m)	Y (m)
MB8	2163 329	568 157
MB9	2163 327	568 210
MB10	2163 301	568 210
MB11	2163 301	568 266
MB12	2163 391	568 271
MB13	2163 393	568 148
MB14	2163 550	568 143
MB14A	2163 542	568 036
MB14.1	2163 543.65	568 007.41
MB14.2	2163 556.33	567 999.42
MB14.3	2163 599.36	567 992.07

MB14.4	2163 622.03	567 993.95
MB14.5	2163 628.09	567 981.23
MB14.6	2163 642.92	567 987.99
MB14.7	2163 677.57	568 021.10
MB14.8	2163 689.19	568 020.95
MB14.9	2163 691.73	568 001.55
MB14.10	2163 684.28	567 981.69
MB14.11	2163 639.30	567 968.65
MB14.12	2163 684.79	567 968.37
MB14.13	2163 677.33	567 950.57
MB14.14	2163 682.25	567 920.99
MB14.15	2163 722.03	567 896.26
MB14.16	2163 727.19	567 857.88
Diện tích khu vực khai thác: 3,3 ha		

Điều 2. Giữ nguyên các nội dung khác trong Bản xác nhận số 29/XN-UBND ngày 22/3/2019 của UBND tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và là bộ phận không tách rời với Bản xác nhận số 29/XN-UBND ngày 22/3/2019 của UBND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Tổng Cục ĐC&KS Việt Nam;
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Tổng Công ty Xây dựng nông nghiệp và phát triển nông thôn Thanh Hóa-CTCP;
- Công ty cổ phần Xây dựng Tiến Đạt;
- Các sở: TN&MT, NN&PTNT;
- UBND huyện Nông Cống;
- UBND xã Công Liêm;
- Lưu: VT, CN (T610).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Đức Quyền